

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 28

U.N. 0
TP
F
1

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỲ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước - tiền thân là Xí nghiệp Văn phòng phẩm Tam Kỳ, được thành lập theo Quyết định số 696/QĐ - UB ngày 10/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam, chuyển đổi thành Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định số 4227/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định phê duyệt đề án chuyển đổi số 1806/QĐ - UBND ngày 03/06/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV lần đầu số 4000360377 ngày 09/09/2010, thay đổi lần 1 ngày 17/09/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 14/02/2011, thay đổi lần 3 ngày 10/2/2012 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 159B Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Vốn điều lệ Công ty:

- Theo Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam là: 90.551.426.256 đồng. Trong đó, vốn pháp định là: 6.000.000.000 đồng.
- Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thay đổi lần thứ 3 ngày 10/02/2012 là: 89.341.829.398 đồng.
- Theo Văn bản số 17240/BTC - TCDN ngày 12/12/2012 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam thì vốn điều lệ của Công ty sẽ được xác định là 188.334 triệu đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc tăng vốn điều lệ này.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Bán buôn tổng hợp; Bán buôn sách, báo, văn phòng phẩm, giấy, tạp chí, đồ điện gia dụng; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh (hạt nhựa); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Lai dắt hỗ trợ tàu ra vào cảng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác, chế biến đá, cát sỏi, đất sét. Ngoài ra, Công ty còn các hoạt động kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Ngoài trụ sở chính, Công ty còn có 03 Xí nghiệp trực thuộc là: Xí nghiệp Cảng Kỳ Hà (chưa bổ sung trong Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 3); Xí nghiệp Quản lý & khai thác khu công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp và Xí nghiệp Xây dựng Chu Lai (đã ngừng hoạt động). Các Xí nghiệp này chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ đối với Công ty. Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo sự cam kết của các Xí nghiệp. Các Xí nghiệp chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh tại nơi phát sinh, thuế thu nhập doanh nghiệp được kê khai và nộp tại Văn phòng Công ty sau khi hợp cộng kết quả kinh doanh toàn Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn có các Ban quản lý trực thuộc Công ty, hoạt động cho các dự án nhà nước giao và hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty không bao gồm số liệu của các Ban quản lý này.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHỦ LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp từ trang 7 đến trang 28 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Các thành viên trong Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên và kiểm soát viên

Cao Ngọc Tích	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Võ Văn Hạng	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Nguyễn Đình Tuyên	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Phan Thị Kim Hưng	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 15/10/2010

Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Võ Văn Hạng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2011
Nguyễn Đình Tuyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2010
Huỳnh Bửu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2011
Võ Phước Long	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2012
Nguyễn Thanh Cư	Phó phòng – Phụ trách phòng TCKT	Bổ nhiệm ngày 15/10/2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương, thành viên hãng Eura Audit International. HVAC bày tỏ nguyện vọng sẽ tiếp tục được là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp; và
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên trong Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Ông Võ Văn Hạng

Giám đốc

Quảng Nam, ngày 20 tháng 3 năm 2013

48
T
H
C
O
A
V
Ư
D
T



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL

EURAUDIT
International

Số. 105/2013/BCTC - HVAC

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

*Về: Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam*

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và các Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ yêu cầu đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu Báo cáo tài chính tổng hợp có các sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục để thu thập các bằng chứng kiểm toán liên quan đến số liệu và việc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có thể dẫn đến sai sót trọng yếu trên Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng điều kiện cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến việc kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2012. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Vì vậy, chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 31/12/2012 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả. Các khoản công nợ phải thu quá hạn cũng chưa được xem xét khả năng thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi tương ứng. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, bổ sung khác, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản phải thu, phải trả chưa được xác nhận, dự phòng công nợ phải thu khó đòi cũng như ảnh hưởng của chúng đến các thông tin khác trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Công ty chưa thực hiện quyết toán quỹ tiền lương theo quy định tại Thông tư 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14/9/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục tiền lương của Công ty cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty.

Khoản tiền nhận trước tiền thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Dự án Bất động sản tại phía Nam Hội An – tỉnh Quảng Nam cho Genting Vinacapital Investments Pte.Ltd, số tiền 5.000.000\$ tương đương 104.075.000.000 đồng đang được trình bày trên chỉ tiêu dài hạn (Mã số 333: Phải trả dài hạn khác) trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Tuy nhiên, khoản tiền nhận ứng trước này không đủ điều kiện để ghi nhận là khoản nhận ứng trước dài hạn.

Trong năm, Công ty áp dụng phương pháp tính giá hàng tồn kho là giá bình quân sau mỗi lần nhập. Tuy nhiên, kiểm toán viên không thu thập được thông tin cần thiết để xác định lại giá xuất của các hàng hoá tồn kho. Theo đó, kiểm toán viên không đủ cơ sở để đưa ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.



Ngô Quốc Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1285/KTV
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Đinh Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 2320/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		468.258.394.309	354.147.667.818
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	69.075.969.109	102.673.125.749
1. Tiền	111		18.575.969.109	4.293.868.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.500.000.000	98.379.257.378
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.983.484.745	136.091.687.212
1. Phải thu của khách hàng	131	5.2	171.200.692.968	126.214.292.325
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	4.065.849.826	3.398.138.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.4	3.032.971.789	1.902.335.292
5. Các khoản phải thu khác	135	5.5	24.683.970.162	4.576.920.631
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	185.456.081.888	106.853.845.254
1. Hàng tồn kho	141		185.456.081.888	106.853.845.254
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.742.858.567	8.529.009.603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		461.518.924	27.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		785.656.559	1.582.318.891
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		88.058.093	76.713.599
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	9.407.624.991	6.842.977.113
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.254.131.893	106.830.117.506
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		131.967.805.551	105.250.834.339
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	112.920.320.601	86.795.533.155
- Nguyên giá	222		136.991.121.793	89.606.425.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.070.801.192)	(2.810.892.573)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		1.398.191.934	1.649.875.182
- Nguyên giá	225		2.013.466.016	2.013.466.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(615.274.082)	(363.590.834)
3. Tài sản cố định vô hình	227		15.750.001	7.274.194
- Nguyên giá	228		31.000.000	18.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.249.999)	(10.725.806)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	17.633.543.015	16.798.151.808
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.066.250.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	1.066.250.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.220.076.342	1.579.283.167
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	3.127.076.342	1.496.283.167
3. Tài sản dài hạn khác	268		93.000.000	83.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		604.512.526.202	460.977.785.324

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2012

DVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		444.378.190.851	368.626.898.056
I. Nợ ngắn hạn	310		332.335.871.746	262.960.776.905
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	247.707.879.280	183.951.564.048
2. Phải trả người bán	312	5.13	56.433.210.810	59.019.666.953
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	1.496.331.448	1.809.841.628
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	9.669.091.686	4.958.356.715
5. Phải trả người lao động	315		1.591.315.379	1.024.086.742
6. Chi phí phải trả	316	5.16	3.410.271.699	3.282.663.734
7. Phải trả nội bộ	317		1.406.577.719	796.367.407
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.17	10.975.571.190	6.376.851.826
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.18	(354.377.465)	1.741.377.852
II. Nợ dài hạn	330		112.042.319.105	105.666.121.151
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	104.090.000.000	104.140.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		354.569.924	1.213.135.924
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	312.985.227
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.20	7.597.749.181	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		160.134.335.351	92.350.887.268
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	160.134.335.351	92.350.887.268
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.451.343.940	90.551.426.256
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		11.644.006.562	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1.456.857.788)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.680.886.747	2.520.676.788
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.037.489.412	735.642.012
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.320.608.690	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		604.512.526.202	460.977.785.324

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
USD		13.993,67	8.153,16



Ông Võ Văn Hạng
 Giám đốc

Quảng Nam, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Ông Nguyễn Thanh Cư
 Phó phòng TCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

DVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	633.181.706.072	590.852.743.100
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	3.770.341.437	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	629.411.364.635	590.852.743.100
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	586.150.754.266	556.513.421.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.260.610.369	34.339.321.453
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.502.635.966	12.166.857.388
7. Chi phí tài chính	22	6.4	22.621.116.135	31.603.099.626
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.149.890.084	14.971.896.872
8. Chi phí bán hàng	24		26.181.818	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	16.604.235.486	9.333.903.067
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.511.712.896	5.569.176.148
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.328.198.356	1.415.277.051
12. Chi phí khác	32	6.7	199.486.624	340.809.079
13. Lợi nhuận khác	40		3.128.711.732	1.074.467.972
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.640.424.628	6.643.644.120
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	4.319.815.938	1.335.396.700
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.320.608.690	5.308.247.420



Ông Võ Văn Hạng
 Giám đốc

Quảng Nam, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Ông Nguyễn Thanh Cư
 Phó phòng TCKT

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.640.424.628	6.643.644.120
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	611.005.028	558.603.394
- Các khoản dự phòng	03	(337.750.807)	110.422.756
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(470.975.885)	1.456.109.463
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.929.431.854)	(10.726.480.475)
- Chi phí lãi vay	06	18.149.890.084	14.971.896.872
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	25.663.161.194	13.014.196.130
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(68.681.127.573)	(24.750.900.731)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10	(78.602.236.634)	(11.461.664.427)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(8.488.470.226)	137.020.436.992
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.065.312.099)	(710.783.167)
- Lãi tiền vay đã trả	13	(17.656.793.828)	(14.650.092.185)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(878.279.187)	(11.097.668)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(2.425.036.934)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	(150.709.058.353)	96.025.058.010
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.970.390.303)	(1.818.222.969)
2. Tiền thu từ T.ly, nhượng bán TSCĐ & TS DH khác	22	-	34.609.091
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(546.190.241.024)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	593.003.248.402	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.812.213.339	10.737.521.051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	54.654.830.414	8.953.907.173
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ TC			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	572.556.081.880	435.247.503.600
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(509.658.332.648)	(453.419.246.799)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(446.400.000)	(587.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	62.451.349.232	(18.759.453.199)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(33.602.878.707)	86.219.511.984
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	102.673.125.749	16.452.865.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.722.067	748.325
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	69.075.969.109	102.673.125.749

**Ông Võ Văn Hạng**
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Ông Nguyễn Thanh Cư
Phó phòng TCKT

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỲ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước - tiền thân là Xí nghiệp Văn phòng phẩm Tam Kỳ, được thành lập theo Quyết định số 696/QĐ - UB ngày 10/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam, chuyển đổi thành Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định số 4227/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam theo Quyết định phê duyệt đề án chuyển đổi số 1806/QĐ - UBND ngày 03/06/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV lần đầu số 4000360377 ngày 09/09/2010, thay đổi lần 1 ngày 17/09/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 14/02/2011 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 159B Trần Quý Cáp, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Vốn điều lệ Công ty:

- Theo Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam là: 90.551.426.256 đồng. Trong đó, vốn pháp định là: 6.000.000.000 đồng.
- Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thay đổi lần thứ 3 ngày 10/02/2012 là: 89.341.829.398 đồng.
- Theo Văn bản số 17240/BTC - TCDN ngày 12/12/2012 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam thì vốn điều lệ của Công ty sẽ được xác định là 188.334 triệu đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc tăng vốn điều lệ này.

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn tổng hợp; Bán buôn sách, báo, văn phòng phẩm, giấy, tạp chí, đồ điện gia dụng; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh (hạt nhựa); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Lai dắt hỗ trợ tàu ra vào cảng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác, chế biến đá, cát sỏi, đất sét. Ngoài ra, Công ty còn các hoạt động kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam được lập trên cơ sở hợp cộng các Báo cáo tài chính tổng hợp hàng của Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc bao gồm: Xí nghiệp Cảng Kỳ Hà, Xí nghiệp Xây dựng Chu Lai và Xí nghiệp Quản lý & khai thác khu công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp.

Xí nghiệp Xây dựng Chu Lai đã ngừng hoạt động. Theo đó, toàn bộ số dư trên Báo cáo tài chính của Xí nghiệp xây dựng tại ngày 31/12/2012 được chuyển về Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn có các Ban quản lý trực thuộc Công ty, hoạt động cho các dự án Nhà nước giao và hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty không bao gồm số liệu của các Ban quản lý này.

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3.3 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 Các khoản phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu của khách hàng được trình bày theo giá trị của hóa đơn gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, các khoản nợ quá hạn của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính vẫn có khả năng thu hồi nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ quá hạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường. Giá gốc của hoạt động xây lắp bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung phát sinh trong hoạt động xây lắp. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang:

- Đối với công trình xây lắp thì phân bổ theo giá trị dở dang thực tế do đội thi công xác định tại công trình.
- Đối với sản xuất dở dang được xác định theo sản phẩm hoàn thành tương đương của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Các tài sản không trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh và hình thành từ dự án đang trong giai đoạn đầu tư chưa được trích khấu hao. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng
	(năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 – 30
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Phần mềm máy tính	03

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4.6 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý, được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.7 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các khoản chi phí lãi vay riêng biệt phục vụ cho việc mua hàng tồn kho được tính vào giá trị hàng tồn kho. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh thực tế.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4.10 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tỷ giá ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính (31/12/2012). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản lãi chênh lệch tỷ giá này sẽ không được chia lợi nhuận theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT - BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

4.11 Thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các Luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả năm hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Năm 2012 Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tiền mặt	245.943.992	122.832.359
Tiền gửi ngân hàng	18.330.025.117	4.171.036.012
Các khoản tương đương tiền (*)	50.500.000.000	98.379.257.378
Cộng	69.075.969.109	102.673.125.749

(*): Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng của Văn phòng Công ty tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Quảng Nam với số tiền là: 50.000.000.000 VND, lãi suất là: 9%/năm và khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng tại NH SHB số tiền là 500.000.000 VND, lãi suất là 9%/năm

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỲ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.2 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Văn phòng Công ty	168.113.132.179	125.288.656.170
Công ty CP tập đoàn truyền thông Thanh Niên	36.142.655.002	11.103.060.885
Công ty TNHH TM SX Toàn Việt	35.695.724.266	20.227.701.927
Công ty CP sản xuất Sô Đa Chu Lai	25.906.065.408	25.906.065.408
Công Ty TNHH TM & DV 3B	9.174.127.570	2.235.477.564
Công ty TNHH Hành Tinh Vàng	7.385.276.160	11.648.598.911
Công ty TNHH in & giấy Nhật Tâm	7.016.481.084	2.364.039.360
Cty TNHH TM Đắc Nguyên	6.629.653.280	12.991.098.500
Cty TNHH TM Thuận Quang Vinh	5.610.826.195	1.606.336.371
Cty cổ phần TM và DV Bắc Giang	4.605.995.046	-
Công ty TNHH Vĩnh Minh Hưng	3.298.427.858	4.439.040.823
Cty TNHH SX TM DV Minh Hoàng	2.758.537.134	3.595.385.695
Công ty TNHH Quảng Vân Long	2.574.347.441	-
Cơ sở Quý Nguyên	2.258.334.052	315.366.720
Cty TNHH MTV DT PHTT KCN&DT CLai T.H	1.927.603.840	1.927.603.840
BQL các dự án đầu tư và xây dựng	1.745.721.450	-
Cty CP ĐT & SX Việt Hàn	1.384.687.382	1.384.687.382
Ban quản lý dự án hạ tầng	1.301.952.000	1.243.525.001
Cty TNHH Hưng Thành	1.251.743.958	821.306.236
Công ty xuất nhập khẩu ngành in Tp HCM	1.111.981.703	455.432.699
Công ty TNHH SX TM DV Tân Kim Hưng	830.604.570	-
DNTN Tường Thành	802.373.686	802.373.686
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	771.429.644	-
DNTN Thương mại Minh Thi	741.934.424	1.282.868.512
DNTN Kim Anh	729.015.813	1.292.779.504
Cty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn	657.084.590	-
Công ty CP sản xuất và thương mại PP	565.935.891	-
Công ty TNHH Quốc Huy Minh	526.520.194	-
Công ty TNHH MTV in báo nhân dân Hà Nội	425.672.063	5.025.672.063
Các đối tượng khác	4.282.420.475	14.620.235.083
XN Xây dựng Chu lai	-	925.636.155
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	1.683.881	-
XN Cảng Kỳ Hà	3.085.876.908	-
Cty TNHH Thương Mại Hải Mỹ	849.243.699	-
Cty CP Xi Măng Miền Trung	404.569.198	-
Công ty CP GTVT Quảng Nam	380.284.422	-
Công ty CP TM VT An Trung	286.728.795	-
DNTN Sỹ Phú	255.200.000	-
Công ty CP VT Hoa Phượng Đỏ	160.817.140	-
Công ty CP Gạch Men Anh Em DIC	121.499.242	-
Các đối tượng khác	627.534.412	-
Cộng	171.200.692.968	126.214.292.325

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty	4.065.849.826	3.335.951.630
V.Global International Company Limited	2.262.174.200	2.263.587.040
Cty Cổ phần ĐT PT Xây Dựng Hội An	593.110.450	593.110.450
Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải	369.110.858	-
Đội xây dựng số 4 (XN XD Chu Lai)	219.537.274	-
Trung Tâm Quan Trắc & pt môi trường	147.800.000	147.800.000
Cty CP tư vấn xây dựng & đầu tư phát triển đô	140.977.260	-
Cty TNHH Công nghệ môi trường Trần Nguyễn.	126.600.000	126.600.000
Các đối tượng khác	206.539.784	204.854.140
XN Xây dựng Chu lai	-	62.187.334
Cộng	4.065.849.826	3.398.138.964

5.4 Phải thu nội bộ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Trung tâm bồi thường, hỗ trợ & Tái định cư	1.203.872.479	370.420.149
BQL các dự án ĐTXD và nạo vét luồng Kỳ Hà	738.617.197	738.617.197
Ban quản lý Dự án Chu Lai	554.341.931	46.100.927
BQL Khu liên hợp Tam Hiệp	468.325.837	468.325.837
Ban chuẩn bị Dự án BT	57.243.613	57.243.613
Ban QL các DA ĐT & XD CSHT Chu lai I	10.570.732	10.570.732
Trung tâm bồi thường & giải phóng mặt bằng	-	211.056.837
Cộng	3.032.971.789	1.902.335.292

5.5 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty	24.621.828.194	4.558.913.146
Công ty TNHH Khánh Giang	19.000.000.000	-
Thuế nhập khẩu hàng hoá chưa có C/O	1.926.716.203	2.075.119.580
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa nộp tiền	1.814.383.291	-
Cty Cổ Phần Doanh Nghiệp Trẻ Quảng Nam	301.680.184	301.680.184
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN	237.500.000	715.996.265
Các đối tượng khác	1.341.548.516	1.466.117.117
XN Cảng Kỳ Hà	57.434.954	-
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	4.707.014	-
XN Xây dựng Chu lai	-	18.007.485
Cộng	24.683.970.162	4.576.920.631

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.6 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	217.822.792	3.420.000
Văn phòng Công ty	1.710.000	3.420.000
XN Cảng Kỳ Hà	211.872.700	-
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	4.240.092	-
Công cụ, dụng cụ	48.200.000	-
Văn phòng Công ty	48.200.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	106.407.587.006	63.734.297.180
Văn phòng Công ty	106.407.587.006	60.839.449.160
XN Xây dựng Chu lai	-	2.894.848.020
Hàng hoá	78.782.472.090	43.116.128.074
Văn phòng Công ty	78.782.472.090	43.116.128.074
Giá gốc hàng tồn kho	185.456.081.888	106.853.845.254
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	185.456.081.888	106.853.845.254

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tạm ứng	589.459.905	742.473.523
Văn phòng Công ty	578.259.905	684.906.120
XN Cảng Kỳ Hà	10.000.000	54.827.810
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	1.200.000	141.964.493
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.818.165.086	6.057.884.304
Văn phòng Công ty (*)	8.818.165.086	6.057.884.304
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	42.619.286
Cộng	9.407.624.991	6.842.977.113

(*): Chủ yếu là các khoản ký quỹ mở LC phục vụ cho hoạt động nhập khẩu giấy và hạt nhựa của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dc quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	82.513.742.334	139.927.273	1.874.208.722	186.140.642	4.892.406.757	89.606.425.728
Mua trong năm	-	170.000.000	320.380.909	98.883.641	-	589.264.550
Đầu tư XD CB ht	545.734.546	-	-	-	-	545.734.546
Nhận bàn giao	27.793.990.502	13.832.996.775	4.652.090.972	-	-	46.279.078.249
Tặng khác	278.771.818	-	-	-	-	278.771.818
Thanh lý	-	(71.428.570)	(226.633.612)	-	-	(298.062.182)
Giảm khác	-	-	-	(10.090.916)	-	(10.090.916)
Tại ngày 31/12/2012	111.132.239.200	14.071.495.478	6.620.046.991	274.933.367	4.892.406.757	136.991.121.793
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	734.138.901	10.805.947	1.641.930.516	88.997.924	335.019.285	2.810.892.573
Trích khấu hao	2.299.989.328	1.381.863.496	628.163.858	36.001.407	100.005.756	4.446.023.845
Nhận bàn giao	7.986.884.215	7.035.564.100	2.091.012.279	-	-	17.113.460.594
Thanh lý	-	(71.428.570)	(226.633.612)	-	-	(298.062.182)
Giảm khác	-	-	-	(1.513.638)	-	(1.513.638)
Tại ngày 31/12/2012	11.021.012.444	8.356.804.973	4.134.473.041	123.485.693	435.025.041	24.070.801.192
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	81.779.603.433	129.121.326	232.278.206	97.142.718	4.557.387.472	86.795.533.155
Tại ngày 31/12/2012	100.111.226.756	5.714.690.505	2.485.573.950	151.447.674	4.457.381.716	112.920.320.601

Trong đó tại ngày 31/12/2012:

Nguyên giá TSCĐ đang sử dụng nhưng chưa trích khấu hao: 71.819.020.666 đồng;
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 2.963.808.954 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Dừa Duy Hải	15.048.230.966	14.723.387.144
Tường rào KCN Tam Hiệp	2.054.603.604	1.594.485.454
Cổng Tam Hiệp	530.708.445	5.847.273
Công trình 1.8km phần vệ sinh	-	194.542.650
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	168.182.018
Hậu cần vận tải	-	111.707.269
Cộng	17.633.543.015	16.798.151.808

5.10 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Hưng Quốc Giang và Công ty TNHH Khánh Giang thành lập Công ty TNHH Xây dựng Chu Lai Quảng Nam với số tiền: cam kết góp vốn là: 4.350.000.000 đồng tương đương với tỷ lệ góp vốn là 29%.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Văn phòng Công ty	2.457.815.439	1.496.283.167
XN Cảng Kỳ Hà	602.371.245	-
XN QL & KT KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp	66.889.658	-
Cộng	3.127.076.342	1.496.283.167

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	247.377.585.280	183.205.164.048
NH TMCP CT VN - CN Quảng Nam (1*)	32.330.977.789	27.538.944.267
NH Đông Á - CN Quảng Nam (2*)	119.480.160.000	90.622.628.000
NH Ngoại Thương - CN Quảng Nam (3*)	53.342.008.731	29.871.253.350
NH SHB - CN Quảng Nam (4*)	15.224.438.760	17.472.338.431
Quỹ đầu tư phát triển Chu Lai	-	6.400.000.000
Vay cá nhân, Cty khác (5*)	27.000.000.000	11.300.000.000
Vay, nợ dài hạn đến hạn trả	330.294.000	746.400.000
Cty Thuê tài chính NH Công Thương	330.294.000	446.400.000
NH Ngoại thương - CN Quảng Nam	-	300.000.000
Cộng	247.707.879.280	183.951.564.048

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM

159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

(*1): Khoản vay ngắn hạn NH Công thương bao gồm: Khoản vay bằng VND với số tiền là: 1.000.000.000 VND, thời hạn vay là 1 năm, lãi suất vay là 17%/năm, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư chi phí đầu vào để thi công dự án khu Tái Định Cư Duy Hải, Duy Xuyên, Quảng Nam. Khoản vay bằng USD với số tiền là: 1.505.211,52 USD tương đương tiền 31.330.977.789 VND, có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất vay là 6,8%/năm, vay với mục đích kinh doanh hạt nhựa, giấy các loại. Cả hai khoản vay đều vay dưới hình thức tín chấp.

(*2): Khoản vay ngắn hạn với NH Đông Á - CN Quảng Nam bằng tiền VND với số tiền là: 20.481.060.000 trong đó bao gồm: 19 tỷ là vay hộ cho công ty TNHH Khánh Giang với thời hạn 9 tháng, Công ty Khánh Giang chịu trách nhiệm trả lãi và tiền gốc trực tiếp cho NH với lãi suất vay là 14%/năm. Phần còn lại bao gồm khoản vay 1.481.060.000 VND với lãi suất vay là 14%/năm, thời hạn vay là 6 tháng và khoản vay 4.755.000 USD, tương đương là 98.999.100.000 VND với lãi suất là 7%/năm, thời hạn vay 6 tháng, vay với mục đích nhập khẩu. Tất cả các khoản vay này đều được bảo đảm bằng tín chấp

(*3): Khoản vay ngắn hạn với ngân hàng Ngoại thương – CN Quảng Nam bao gồm: Khoản vay ngắn hạn bằng VND với số tiền: 12.770.216.480 VND, lãi suất từ 15%-17%/năm, thời hạn vay từ 4-9 tháng, vay với mục đích bổ sung vốn để sản xuất kinh doanh. Khoản vay ngắn hạn bằng USD là: 1.949.161,29 USD tương đương là 40.571.792.251 VND với lãi suất vay là 7%/năm, thời hạn vay là 4 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tất cả các khoản vay đều đảm bảo bằng tín chấp.

(*4): Khoản vay ngắn hạn với ngân hàng Sài Gòn- Hà Nội tại Quảng Nam bao gồm khoản vay VND là: 6.680.597.820 VND, với lãi suất từ 14-15%/năm, thời hạn vay là dưới 1 năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động; khoản vay USD là 410.367 USD tương đương là 8.543.840.940, lãi suất là 7%- 7,5%/năm, thời hạn vay nhỏ hơn 1 năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tất cả các khoản vay đều được đảm bảo bằng tín chấp.

(*5): Khoản vay ngắn hạn với các cá nhân và Công ty khác tại ngày 31/12/2012 có thời hạn 06 tháng, lãi suất 13%/năm. Hình thức bảo đảm các khoản vay này là tín chấp.

5.13 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Văn phòng Công ty	56.428.475.810	58.304.466.021
Công ty TNHH Khánh Giang	26.076.587.000	26.076.587.000
Liên danh Khoáng Sản - Tân Nhật Minh	11.213.239.487	12.633.239.487
Công ty PT hạ tầng KCN Chu Lai	2.779.342.500	-
MOORIM P& P CO.,LTD	2.121.498.312	-
Cty CP Khoáng Sản & Xây dựng Chu Lai	1.866.625.530	423.912.000
Cty CP cấp thoát nước Quảng Nam	1.449.036.350	1.393.530.700
Cty TNHH Kỹ Thuật XD Quang Đại Việt	1.320.877.000	811.829.000
Đội xây dựng (Nguyễn Văn Thành) - Công ty T	1.208.879.713	-
Cty TNHH Phúc Hải Sơn	1.080.185.169	675.317.500
Công ty TNHH Phú Long	987.302.778	125.121.358
Cty CP Hạ Tầng Phồn Vinh	600.000.000	600.000.000
Các đối tượng khác	5.724.901.971	15.564.928.976
XN Cảng Kỳ Hà	4.735.000	-
XN Xây dựng Chu lai	-	715.200.932
Cộng	56.433.210.810	59.019.666.953

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.14 Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Văn phòng Công ty	1.425.485.416	1.712.903.606
Công ty TNHH một thành viên Sáng	922.491.491	1.247.825.706
Công ty TNHH Hiệp Phú	250.699.147	250.699.147
Công ty TNHH Yeou Lih Silica Sand Việt Nam	104.331.253	104.331.253
Các đối tượng khác	147.963.525	110.047.500
XN Xây dựng Chu lai	-	96.938.022
XN Cảng Kỳ Hà	70.846.032	-
Cộng	1.496.331.448	1.809.841.628

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.023.566.534	969.471.564
Thuế xuất, nhập khẩu	2.368.670.045	2.075.120.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.240.394.602	1.798.857.851
Thuế thu nhập cá nhân	36.299.585	-
Thuế tài nguyên	160.920	97.431.775
Các loại thuế, phí lệ phí khác	-	17.475.050
Cộng	9.669.091.686	4.958.356.715

5.16 Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Văn phòng Công ty	3.391.627.249	3.282.663.734
Chi phí lãi vay phải trả	849.146.259	356.050.003
Phí bảo lãnh Dự án Khu nghỉ dưỡng Nam Hội	865.375.287	-
CP thi công công khu CN Tam Hiệp	525.546.385	-
CP tư vấn lập quy hoạch Khu CN HCC TH	427.203.818	-
CP sửa chữa 1.8KM đường trong Khu CN TH	367.365.189	-
CP TC SN nhà máy sản xuất bê tông Dinco	206.019.080	-
Chi phí khảo sát, thiết kế, bảo hiểm san nền	120.881.231	120.881.231
CP tư vấn lập dự toán Khu CN HCC TH	30.090.000	-
Trích trước giá trị đất nguyên liệu (505.355m3)	-	2.779.342.500
Trích bổ sung chi phí san nền	-	26.390.000
XN Cảng Kỳ Hà	18.644.450	-
Cộng	3.410.271.699	3.282.663.734

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Ngân sách tỉnh Quảng Nam	3.173.265.600	139.800.400
Văn phòng ban Kinh tế Mở Chu Lai	2.658.000.000	-
Cty Cổ phần ĐT PT Xây Dựng Hội An	2.000.000.000	2.000.000.000
Phần lợi nhuận phải nộp nhà nước	1.948.670.979	1.948.670.979
Võ Văn Hạng	1.000.000.000	-
Các đối tượng khác	195.634.611	2.288.380.447
Cộng	10.975.571.190	6.376.851.826

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chưa tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2012. Theo đó, quỹ khen thưởng phúc lợi đang có số dư âm sẽ được bù đắp sau khi Công ty phân phối lợi nhuận.

5.19 Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận trước tiền thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Dự án Bất động sản tại phía Nam Hội An – tỉnh Quảng Nam cho Genting Vinacapital Investments Pte.Ltd với số tiền 5.000.000\$ tương đương 104.075.000.000 đồng.

5.20 Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Doanh thu hoạt động cho thuê đất Cty cổ phần TM và DV Bắc Giang trong 48 năm	4.540.063.653	-
Doanh thu hoạt động cho thuê đất Cty cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai trong 50 năm	3.057.685.528	-
Cộng	7.597.749.181	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5.21 Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của CSH		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư tại 01/01/2011	86.103.803.363		-		(587.282.803)		3.845.029.424		884.103.127		2.048.172.700		92.293.825.811
Tăng vốn trong năm	4.447.622.893		-		587.282.803		-		-		-		5.034.905.696
Lãi/ lỗ trong năm	-		-		-		-		-		5.308.247.420		5.308.247.420
Phân chia lợi nhuận	-		-		-		2.311.041.959		735.642.012		(7.356.420.120)		(4.309.736.149)
Giảm trong năm	-		-		(1.456.857.788)		(3.635.394.595)		(884.103.127)		-		(5.976.355.510)
Số dư tại 31/12/2011	90.551.426.256		-		(1.456.857.788)		2.520.676.788		735.642.012		-		92.350.887.268
Số dư tại 01/01/2012	90.551.426.256		-		(1.456.857.788)		2.520.676.788		735.642.012		-		92.350.887.268
Tăng trong năm (*)	40.899.917.684		11.644.006.562		1.456.857.788		53.256.864		1.506.664.670		-		55.560.703.568
Lãi/ lỗ trong năm	-		-		-		-		-		13.320.608.690		13.320.608.690
Giảm khác (**)	-		-		-		(893.046.905)		(204.817.270)		-		(1.097.864.175)
Số dư tại 31/12/2012	131.451.343.940		11.644.006.562		-		1.680.886.747		2.037.489.412		13.320.608.690		160.134.335.351

(*): Là khoản tăng vốn từ sáp nhập Công ty TNHH MTV Cảng Kỳ Hà vào Công ty.

(**): Công ty điều chỉnh lại số lợi nhuận đã phân phối của năm 2011.

Trong năm, Công ty đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 ngày 10/02/2012 với vốn điều lệ là 89.341.829.398 đồng, chưa điều chỉnh vốn điều lệ theo Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 về việc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp tại thời điểm chuyển đổi Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam thành Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam của UBND tỉnh Quảng Nam. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 90.551.426.256 đồng. Mặt khác, tại ngày 12/12/2012, Bộ Tài chính có văn bản số 17240/BTC-TCDN về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam với mức vốn điều lệ điều chỉnh là 188.334 triệu đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Công ty đang tiến hành làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để bổ sung số vốn điều lệ trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	633.181.706.072	590.852.743.100
Doanh thu bán giấy	508.137.433.152	479.248.016.577
Doanh thu bán hạt nhựa	79.019.121.025	31.954.495.250
Doanh thu dịch vụ cảng Kỳ Hà	22.177.214.158	-
Doanh thu bán xe máy	7.465.468.021	51.605.735.812
Doanh thu xây dựng cơ bản	6.108.104.954	-
Doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng khu CN	-	25.494.978.182
Doanh thu bán cát	9.651.934.725	444.819.455
Doanh thu kinh doanh nước	73.331.006	113.152.236
Doanh thu cho thuê đất	158.998.844	1.651.666.800
Doanh thu khác	390.100.187	339.878.788
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.770.341.437	-
Hàng bán bị trả lại doanh thu bán giấy	3.770.341.437	-
Doanh thu thuần	629.411.364.635	590.852.743.100

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán giấy	470.398.570.118	457.413.118.912
Giá vốn bán hạt nhựa	76.539.869.461	31.523.623.717
Giá vốn dịch vụ cảng Kỳ Hà	14.437.970.455	-
Giá vốn bán xe máy	7.455.959.636	51.242.618.056
Giá vốn xây dựng cơ bản	6.108.104.954	-
Giá vốn kinh doanh cơ sở hạ tầng khu CN	-	15.381.340.582
Giá vốn bán cát	9.374.815.915	381.920.713
Giá vốn kinh doanh nước	37.677.847	70.528.830
Giá vốn cho thuê đất	94.823.679	36.785.330
Giá vốn khác	1.702.962.201	463.485.507
Cộng	586.150.754.266	556.513.421.647

320
 NG
 HIỆM
 M T C
 G V U
 - T

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.812.213.339	10.737.521.051
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	225.168.808	1.429.336.337
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	465.253.819	-
Cộng	10.502.635.966	12.166.857.388

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.149.890.084	14.971.896.872
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.605.850.764	16.631.114.754
Chi phí tài chính khác	865.375.287	88.000
Cộng	22.621.116.135	31.603.099.626

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.331.055.632	4.311.040.282
<i>Lương Ban điều hành</i>	<i>1.642.811.617</i>	<i>1.191.168.385</i>
Chi phí đồ dùng văn phòng	658.796.798	41.213.002
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.190.731.946	385.008.312
Thuế, phí và lệ phí	42.250.330	34.982.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.468.034.663	3.348.957.467
Chi phí bằng tiền khác	2.913.366.117	1.212.701.927
Cộng	16.604.235.486	9.333.903.067

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu từ bán thanh lý TSCĐ	162.868.182	34.609.091
Thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt được giảm, thuế	1.861.341.741	1.337.833.081
Thu tiền bồi thường bảo hiểm hàng hóa	950.999.510	-
Xử lý quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	337.750.807	-
Thu nhập khác	15.238.116	42.834.879
Cộng	3.328.198.356	1.415.277.051

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KỶ HÀ - CHU LAI QUẢNG NAM159B Trần Quý Cáp, phường Tân Thạnh,
Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***6.7 Chi phí khác**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	-	45.649.667
Phạt vi phạm hành chính	102.964.673	295.102.108
Chi phí khác	96.521.951	57.304
Cộng	199.486.624	340.809.079

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.640.424.628	6.643.644.120
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	463.928.837	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ</i>	463.928.837	-
Cộng: các khoản CP không được khấu trừ	102.767.962	295.102.108
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	102.767.962	295.102.108
Thu nhập chịu thuế trong năm	17.279.263.753	6.938.746.228
Thuế suất (25%)	25%	25%
Thuế thu nhập phải trả ước tính	4.319.815.938	1.734.686.557
Thuế TNDN được miễn giảm năm 2011	-	(399.289.857)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.319.815.938	1.335.396.700

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Số dư và giao dịch với các bên liên quan****Số dư phải trả**

Tại ngày
31/12/2012
VND

Ban lãnh đạo vay ngắn hạn cho Công ty

18.700.000.000

Cộng**18.700.000.000****Phát sinh trong năm**

Năm 2012

VND

Tiền lương Ban lãnh đạo công ty

1.642.811.617

Thu nhập trả cho Ban lãnh đạo công ty

321.400.000

Nhận tiền Ban lãnh đạo vay cho Công ty

57.200.000.000

Trả tiền vay Ban lãnh đạo vay cho Công ty

40.500.000.000

Cộng**99.664.211.617**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7.3 Thông tin bổ sung

Công ty lựa chọn áp dụng Thông tư 179/2012/TT - BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Do đó, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính (31/12/2012). Nếu áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, khoản đánh giá chênh lệch tỷ giá kể trên sẽ làm doanh thu hoạt động tài chính năm tài chính 2012 của Công ty giảm đi 115.859.677 VND, đồng thời làm lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm đi tương ứng.

7.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 đã được kiểm toán và phân loại lại phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính tổng hợp này.



Ông Võ Văn Hạng
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Ông Nguyễn Thanh Cư
Phó phòng TCKT